

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys A Grade (男子甲組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 更正於27/11/2017) (TOP HALF)

Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Tam Tsz Shing 譚子盛 (沙官)(1) --	Tam Tsz Shing 譚子盛 (沙官)(1) 2017-12-03 / 14:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	TBC
Kok Shu Kin 郭書鍵 (聖若瑟英文) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 8 Ng Ka Yu 吳家裕 (聖文德)					
To Ho Long 杜灝朗 (浸聯) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 7 Leung Ming Fung Wilfred 梁銘峰 (拔萃男附小)	TBC 2017-12-03 / 14:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	TBC
Li Kwan Ho Jeff 李鈞浩 (荃商) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 11 Wong Yat Hay 黃逸曦 (聖約瑟) (9/16)					
Ho Chun Yat 何雋逸 (博梁省德) (9/16) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 10 Kong Tsun Hei 江浚希 (田家炳千禧)	TBC 2017-12-03 / 14:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	CHAMPION 2017-12-09 / 15:40 / Crt 8
Kan Ka Chung 簡嘉聰 (沙官) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 5 Cheung Louis Lik Yin 張力言 (喇沙)					
Seeto Shun Yin 司徒信彥 (嘉諾撒) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 4 Chan Tak Lun 陳德倫 (聖約瑟)	TBC 2017-12-03 / 14:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	TBC
Chan Tsz Hin 陳子軒 (田家炳千禧) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 3 Lu Tsz Ho 盧子浩 (基福) (5/8)					
Wong Angus 黃梓朗 (浸聯) (5/8) 2017-12-03 / 10:40 / Crt 2 Chan Ching Long 陳靖朗 (博梁省德)	TBC 2017-12-03 / 14:40 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	TBC
Fung Hui Fai 馮翺輝 (聖若瑟英文) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 9 Tsang Tsz Wan 曾梓鋆 (軒官銅鑼灣)					
Lei Ho Cheong William 李昊鎰 (嘉諾撒) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 8 Chak Yat Kiu 翟逸喬 (喇沙)	TBC 2017-12-03 / 14:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	3/4 PLAYOFF 2017-12-09 / 14:40 / Crt 8
Ng Ka Chun 吳嘉俊 (聖文德) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 7 Chiu Darren 邱華昊 (拔萃男附小) (9/16)					
Fung Shun Him Daniel 馮舜謙 (田家炳千禧) (9/16) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 11 Mok Shun Hei 莫信希 (救恩)	TBC 2017-12-03 / 14:40 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	TBC
Lai Ping Ngai 賴秉毅 (博梁省德) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 10 Lo Chung Yuen Will 羅眾圓 (聖約瑟)					
Kwong Tsz Yeung 鄺梓揚 (沙官) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 5 Hung Yee Sum 洪爾琛 (浸聯)	TBC 2017-12-03 / 14:40 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 7 TBC	TBC
Ho Hau Tong 何厚棠 (荃商) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 4 Lau Ho Fung 劉灝鋒 (基福) (3/4)					

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys A Grade (男子甲組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 更正於27/11/2017) (BOTTOM HALF)

Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final												
Lee Chung Hin 李松軒 (基福) (3/4) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 3 Choi Yi Chun 蔡爾晉 (聖若瑟英文)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 7 TBC		TBC												
Sou Chun Hin 蘇雋軒 (天循) 2017-12-03 / 11:00 / Crt 2 Lee Yiu Chung 李耀冲 (聖文德)																	
Lo Ching Yin 盧政言 (聖約瑟) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 9 Au Kwun Yin Ryan 歐冠言 (喇沙)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 5 TBC				TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 11 TBC		TBC									
Mok Kester 莫鍵霖 (嘉諾撒) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 8 Hung Siu Lung 洪兆隆 (基福) (9/16)																	
Ng Curtiss 吳天朗 (田家炳千禧) (9/16) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 7 Mok Tin Yat 莫天一 (浸聯)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 5 TBC							TBC 2017-12-09 / 14:40 / Crt 8 3/4 PLAYOFF 2017-12-09 / 14:40 / Crt 8		CHAMPION 2017-12-09 / 15:40 / Crt 8						
Wong Shing Fung Sebastian 王聖丰 (聖安多尼) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 11 Tsang Ho Lam 曾浩霖 (聖文德)																	
Lau Tsz Hei Anderson 劉梓希 (沙官) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 10 Lau Hok Kan 劉學芹 (拔萃男附小)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 4 TBC										TBC 2017-12-09 / 12:40 / Crt 11 TBC		TBC			
Kong Wai Hei 江煒熙 (博梁省德) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 5 Li Ho Hin 李浩軒 (基福) (5/8)																	
Hau Timothy 侯樂天 (救恩) (5/8) Wong Tsz Lun 黃子倫 (聖若瑟英文)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 4 TBC													TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 11 TBC		TBC
Moy Ho Yan 梅浩昕 (田家炳千禧) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 3 Yuen Siu Hang 阮紹恒 (聖文德)																	
Yung Lok 翁樂 (基慧馬灣) 2017-12-03 / 11:20 / Crt 2 Tang Yu Sum 鄧宇森 (博梁省德)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 11 TBC		TBC												
Zhou Tin Yui Richard 周天睿 (拔萃男附小) 2017-12-03 / 11:40 / Crt 9 Tsang Chung Tim 曾松添 (聖約瑟) (9/16)																	
Wong Wing Kuen 王永權 (油天海泓道) (9/16) 2017-12-03 / 11:40 / Crt 8 Huen Cheuk Ring 禰卓穎 (沙官)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 3 TBC				TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 11 TBC		TBC									
Sit Lok Hang Perry 薛諾行 (培正) 2017-12-03 / 11:40 / Crt 7 Wong Yee Ka 黃以迦 (浸聯)																	
Shum Cheuk Hei Adrian 岑卓羲 (拔萃男附小) 2017-12-03 / 11:40 / Crt 11 Lee Chun Hau Joshua 李俊孝 (聖若瑟英文)	TBC 2017-12-03 / 15:00 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-03 / 16:40 / Crt 3 TBC							TBC 2017-12-09 / 10:40 / Crt 11 TBC		TBC						
Hui Ka Leung 許家樑 (聖安多尼) 2017-12-03 / 11:40 / Crt 10 Lee Tin Hang 李天行 (禮賢) (2)																	

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys B Grade (男子乙組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (TOP HALF)					
Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Cheng Hong Chen Justin 鄭泓真 (弘立)(1) --	Cheng Hong Chen Justin 鄭泓真 (弘立)(1) 2017-12-02 / 15:20 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 9 TBC	TBC	TBC
Cheung Chun Long 張俊朗 (喇沙) 2017-12-02 / 11:00 / Crt 2 Lam Chun Lok 林俊樂 (聖若瑟英文)					
Chung Will Ho Yin 鍾浩然 (田家炳千禧) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 9 Leung Shun Wa Ethan 梁迅華 (浸聯)	TBC 2017-12-02 / 15:20 / Crt 8 TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Kong Kai Hay 江啟希 (救恩) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 8 Wong Long Hin Larry 黃朗軒 (基福) (9/16)					
Lai Chun Lam 賴俊霖 (聖約瑟) (9/16) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 7 Wong Wan Yin 黃允彥 (博梁省德)	TBC 2017-12-02 / 15:20 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 9 TBC	TBC	CHAMPION 2017-12-09 / 15:20 / Crt 9
Li Kwan Yiu Max 李鈞耀 (荃商) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 11 Zhang Bruce An Lan 張安瀾 (弘立)					
Leung Lok Chun 梁樂進 (嘉諾撒) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 10 Hung Kwan Kei 洪君基 (喇沙)	TBC 2017-12-02 / 15:20 / Crt 11 TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Cheng Yat Hin 鄭逸軒 (浸聯) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 5 Cheung Ka Hin 張嘉軒 (聖約瑟) (5/8)					
Cheng Ting To Brogan 鄭錠濤 (聖約瑟) (5/8) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 4 Pun Kin Tung 潘見通 (高主教)	TBC 2017-12-02 / 15:20 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 7 TBC	TBC	TBC	TBC
Chan Ting Kwong 陳亭光 (培正) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 3 Chan Chi Him 陳智謙 (浸聯)					
Tseng O Him 曾傲謙 (田家炳千禧) 2017-12-02 / 11:20 / Crt 2 Ngai Tsz Yiu Ethan 魏子堯 (救恩)	TBC 2017-12-02 / 15:20 / Crt 5 TBC	TBC	TBC	TBC	3/4 PLAYOFF 2017-12-09 / 14:20 / Crt 9
Chan Cheuk Nam Ryan 陳卓男 (天水靈愛) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 9 Chan Leong Wai 陳亮璋 (聖安多尼) (9/16)					
Wong Yik Hong 王翊匡 (聖約瑟) (9/16) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 8 So Tsz Lam 蘇梓霖 (博梁省德)	TBC 2017-12-02 / 15:20 / Crt 4 TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Lai Nexus Chak Ting 黎澤靈 (拔萃男附小) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 7 Lau Sai Wa 劉世華 (基福)					
Su Chi To 蘇智滔 (嘉諾撒) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 11 Cai Heng, Kevin 蔡衡 (弘立)	TBC 2017-12-02 / 15:20 / Crt 3	TBC	TBC	TBC	TBC
Ma Kin Fung 馬健峯 (沙官) (3/4)					

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys B Grade (男子乙組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (BOTTOM HALF)

Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Mak Tsun Hei 麥浚熙 (救恩) (3/4) --	Mak Tsun Hei 麥浚熙 (救恩) (3/4) 2017-12-02 / 15:20 / Crt 2 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
Law Ka To 羅嘉濤 (浸聯) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 10 Mai Chin Fung 麥展鋒 (聖文德)					
Cheung Isaac Chun Hei 張晉熙 (弘立) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 5 Yan Pun Kit 甄本潔 (嘉諾撒)	TBC 2017-12-02 / 15:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
Yu Solomon Harry 余珀堅 (喇沙) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 4 Ho Sheung Chit 何尚哲 (基福) (9/16)					
Lau Si Chun 劉錫進 (基福) (9/16) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 3 Kwok Yiu Hung 郭耀鴻 (聖安多尼)	TBC 2017-12-02 / 15:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
Lam Wai Yim 林偉琰 (聖若瑟英文) 2017-12-02 / 11:40 / Crt 2 Kee Steven Cheuk Hang 紀卓恒 (拔萃男附小)					
Usman Muhammad Ali (天水靈愛) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 9 Kwok Kin Hang 郭建恒 (嘉諾撒)	TBC 2017-12-02 / 15:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
Chiu Yin Hoi 趙彥劄 (博梁省德) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 8 Chung Sheung Chi Keith 鍾尚志 (田家炳千禧) (5/8)					
Liu Sung Yan 廖崇恩 (浸聯) (5/8) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 7 Or Yat Nam Matthew 柯逸男 (聖文德)	TBC 2017-12-02 / 15:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
Cheung Mong To 張望濤 (博梁省德) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 11 Chow Cheuk Lam 周卓霖 (聖若瑟英文)					
Lau Melvin Ka Cheuk 劉珈卓 (救恩) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 10 Wong Chak Sum Ocean 王澤森 (田家炳千禧)	TBC 2017-12-02 / 15:40 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
Wong Wai Yiu 黃偉耀 (嘉諾撒) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 5 Wang Clement 汪夢澤 (弘立) (9/16)					
Tse Ka Lung 謝嘉龍 (聖約瑟) (9/16) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 4 Ng Sui Hang 吳萃恒 (荃商)	TBC 2017-12-02 / 15:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
Syed Raheem Iqbal (天水靈愛) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 3 Wong Christian 黃敬貽 (拔萃男附小)					
Yang Chun Hung 楊俊鴻 (博梁省德) 2017-12-02 / 12:00 / Crt 2 Chan Ka Yeung 陳嘉揚 (聖安多尼)	TBC 2017-12-02 / 15:40 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-03 / 14:00 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 10:00 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:20 / Crt 8 TBC	TBC
-- Kwan Wan Hei 關允曦 (基福) (2)					

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys C Grade (男子丙組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (PAGE 1/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Law Pak Ho Cyrus 羅柏皓 (浸聯)(1) --	Law Pak Ho Cyrus 羅柏皓 (浸聯)(1) 2017-12-02 / 13:20 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:20 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Li Sun Hong 李淳康 (聖若瑟英文) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 9 Chui Lang Jeffrey 徐闈 (聖安多尼)	Cheung Chun Ho 張進豪 (仁立紀念) --	Cheung Chun Ho 張進豪 (仁立紀念) 2017-12-02 / 13:20 / Crt 3 TBC				
Pang Chun Chung Thomas 彭竣聰 (基福) --	Pang Chun Chung Thomas 彭竣聰 (基福)	TBC 2017-12-02 / 16:20 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Cheung Kasper 張晉匡 (沙官) --	Cheung Kasper 張晉匡 (沙官) 2017-12-02 / 13:20 / Crt 2 TBC	Leung Nok Hei 梁諾希 (聖安多尼) (9/16)				
Chan Yi Hua 陳奕華 (聖文德) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 8 Navjot Singh 立頌昇 (荃商)	Liu Tsz Hang 廖梓亨 (浸聯) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 7 Leung Wun Kiu 梁按橋 (何壽南)	Leung Nok Hei 梁諾希 (聖安多尼) (9/16)	TBC 2017-12-02 / 16:20 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Chow Chung Lam 周頌林 (基福) (9/16) --	Chow Chung Lam 周頌林 (基福) (9/16) 2017-12-02 / 13:40 / Crt 8 TBC	Lo Tsz Ho 羅梓豪 (何壽南) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 11 Sit Lok Yin Pasco 薛諾言 (培正)				
Ko Hei Shun 高晞舜 (嘉諾撒) --	Ko Hei Shun 高晞舜 (嘉諾撒) 2017-12-02 / 13:40 / Crt 7 TBC	Cheng August Huan-chen 鄭峴真 (弘立) --	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	3/4 PLAYOFF 2017-12-09 / 14:00 / Crt 8
Cheng August Huan-chen 鄭峴真 (弘立) --	Chan Hoi Chun 陳凱濬 (博梁省德) 2017-12-02 / 13:40 / Crt 11 TBC	Pahilwani Himansh Vijay 彭宏謙 (拔萃男附小) --				
Chan Hoi Chun 陳凱濬 (博梁省德) --	Pahilwani Himansh Vijay 彭宏謙 (拔萃男附小) 2017-12-02 / 16:20 / Crt 2 TBC	Ngan Lucas 顏大一 (聖若瑟英文) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 10 Suen Tsz Ho 孫梓豪 (鄭任安夫人)	TBC 2017-12-02 / 16:20 / Crt 2 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Pahilwani Himansh Vijay 彭宏謙 (拔萃男附小) --	Kun Yik Lam 管翊霖 (聖約瑟) (5/8) 2017-12-02 / 13:40 / Crt 10 TBC	Kun Yik Lam 管翊霖 (聖約瑟) (5/8) --				

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys C Grade (男子丙組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (PAGE 2/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Wong Hon Yin Jeffrey 黃瀚彥 (天天) (5/8) --	Wong Hon Yin Jeffrey 黃瀚彥 (天天) (5/8) 2017-12-02 / 13:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Li Tsz Chung 李梓充 (田家炳千禧) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 5 Wong Yiu Yeung 黃耀揚 (嘉諾撒)						
Chiu Damon 邱華宙 (拔萃男附小) --	Chiu Damon 邱華宙 (拔萃男附小) 2017-12-02 / 13:40 / Crt 4 Lee Chi Nam 李智楠 (天水靈愛)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Lee Chi Nam 李智楠 (天水靈愛)						
Leung Tou 梁陶 (救恩) --	Leung Tou 梁陶 (救恩) 2017-12-02 / 13:40 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	CHAMPION 2017-12-09 / 15:00 / Crt 8
Lam Yuen Sarm 林圓參 (聖約瑟) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 4 Yan Ho Ching Arnold 甄浩正 (喇沙)						
Tang Lai Lam 鄧禮霖 (博梁省德) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 3 Ip Tsz Mong 葉子望 (救恩)	TBC 2017-12-02 / 13:40 / Crt 2 Man Yui Fong Wilfred 文睿晃 (喇沙) (9/16)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Man Yui Fong Wilfred 文睿晃 (喇沙) (9/16)						
Wong Sze Yu 黃思諭 (聖約瑟) (9/16) --	Wong Sze Yu 黃思諭 (聖約瑟) (9/16) 2017-12-02 / 14:00 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Yeung Lok Hin 楊樂軒 (真鐸) 2017-12-02 / 10:00 / Crt 2 Lee Kit Long 李杰朗 (基福)						
Choi Caylen Ming Jo (聖若瑟英文) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 9 Mo Yu Tung 毛裕童 (嘉諾撒)	TBC 2017-12-02 / 14:00 / Crt 8 Man Pok Wang 文博泓 (沙官)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	3/4 PLAYOFF 2017-12-09 / 14:00 / Crt 8
Man Pok Wang 文博泓 (沙官)						
Fong Chin Chun Matheus 方展晉 (喇沙) --	Fong Chin Chun Matheus 方展晉 (喇沙) 2017-12-02 / 14:00 / Crt 7 Pang Chin Lang 彭展朗 (浸聯)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Pang Chin Lang 彭展朗 (浸聯)						
Tsang Pak Yin 曾柏賢 (聖文德) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 8 Lam Tsz Chun 林子俊 (博梁省德)	TBC 2017-12-02 / 14:00 / Crt 11 Huang Sidney Victor 黃子豐 (弘立) (3/4)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 7 TBC	TBC
Huang Sidney Victor 黃子豐 (弘立) (3/4)						

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys C Grade (男子丙組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (PAGE 3/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Li Tsz Huen 李籽恒 (浸聯) (3/4) --	Li Tsz Huen 李籽恒 (浸聯) (3/4) 2017-12-02 / 14:00 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 10 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Ngai To 倪濤 (聖安多尼) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 7 Hui Shing Lok 許承洛 (救恩)						
Lu Chun Wai 盧鎮偉 (嘉諾撒) --	Lu Chun Wai 盧鎮偉 (嘉諾撒) 2017-12-02 / 14:00 / Crt 5 Wong Adrian Hin Ting 王顯庭 (弘立)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Wong Adrian Hin Ting 王顯庭 (弘立)						
Lau Ka Chung 劉嘉翀 (寶血) --	Lau Ka Chung 劉嘉翀 (寶血) 2017-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
So Nok Wai 蘇諾為 (田家炳千禧) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 11 Zhang Jia Ning Nika 張伽寧 (弘立)						
Woo Kin Heng Jonathan 胡健衡 (拔萃男附小) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 10 Poon Wai Hang 潘維亨 (聖文德)	TBC 2017-12-02 / 14:00 / Crt 3 Hong Tsz Ching 康子晴 (沙官) (9/16)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Hong Tsz Ching 康子晴 (沙官) (9/16)						
Lai Kin Shun 黎堅信 (救恩) (9/16) --	Lai Kin Shun 黎堅信 (救恩) (9/16) 2017-12-02 / 14:00 / Crt 2 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Tse Tsz Kui 謝梓鉅 (基福) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 5 Watt Ka Hong Robbie 屈家匡 (喇沙)						
Chu Ho Ching 朱浩正 (兩川) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 4 Ong Zhe Hon 王澤鏗 (沙官)	TBC 2017-12-02 / 14:20 / Crt 9 Ho Chun Wing 何縉穎 (博梁省德)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	3/4 PLAYOFF 2017-12-09 / 14:00 / Crt 8
Ho Chun Wing 何縉穎 (博梁省德)						
Chow Cheuk Yin 周卓言 (嘉諾撒) --	Chow Cheuk Yin 周卓言 (嘉諾撒) 2017-12-02 / 14:20 / Crt 8 Tang Ching Ho 鄧政昊 (聖安多尼)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 5 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Tang Ching Ho 鄧政昊 (聖安多尼)						
Sinn Ngai Tsung Alvar 冼翺聰 (英華) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 3 Mok Kam Kwo 莫金果 (何壽南)	TBC 2017-12-02 / 14:20 / Crt 7 Chan Kai Lam 陳啟霖 (田家炳千禧) (5/8)	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Chan Kai Lam 陳啟霖 (田家炳千禧) (5/8)						

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2017-2018

Division : Boys C Grade (男子丙組)
Date : 2017/12/02, 2017/12/03, 2017/12/09
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (PAGE 4/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Ho Yat Fan 何一凡 (基福) (5/8) --	Ho Yat Fan 何一凡 (基福) (5/8) 2017-12-02 / 14:20 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-02 / 16:40 / Crt 2 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 15:00 / Crt 8	TBC
Cheng Tsz Hei 鄭子熙 (聖約瑟) 2017-12-02 / 10:20 / Crt 2 Lu Shu Kuen 呂書權 (何壽南)						
Zhang Han Zhang Bruce 張含章 (弘立) --	Zhang Han Zhang Bruce 張含章 (弘立) 2017-12-02 / 14:20 / Crt 10	TBC 2017-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Woo Cheuk Heng Nicholas 胡卓衡 (拔萃男附小)	Woo Cheuk Heng Nicholas 胡卓衡 (拔萃男附小)					
Muhammad Anees 何安生 (荃商) --	Muhammad Anees 何安生 (荃商) 2017-12-02 / 14:20 / Crt 5	TBC 2017-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 4 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Li Hau Man 李厚文 (聖約瑟)	Li Hau Man 李厚文 (聖約瑟)					
Ma Tsz Yu 馬子渝 (博梁省德) 2017-12-02 / 10:40 / Crt 9 Ho Tsz Ho Nicca 何梓昊 (喇沙)	TBC 2017-12-02 / 14:20 / Crt 4	TBC 2017-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Yung Ka Long Carson 容嘉朗 (聖公會呂明才) (9/16)	Yung Ka Long Carson 容嘉朗 (聖公會呂明才) (9/16)					
Lo Yat Fung 盧溢楓 (沙官) (9/16) --	Lo Yat Fung 盧溢楓 (沙官) (9/16) 2017-12-02 / 14:20 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Chok Wai Hin 祝尉軒 (田家炳千禧) 2017-12-02 / 10:40 / Crt 8 Cheng Ka Wang 鄭嘉弘 (聖若瑟英文)	Huang Jun Yan 黃駿言 (聖文德) 2017-12-02 / 10:40 / Crt 7 Tang Yin Jit 董言哲 (救恩)					
Chau Holam 周皓霖 (聖安多尼) --	Chau Holam 周皓霖 (聖安多尼)	TBC 2017-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Lo Enoch 盧以諾 (浸聯)	Lo Enoch 盧以諾 (浸聯) 2017-12-02 / 14:40 / Crt 9					
Xie Chun Kin 謝俊健 (何壽南) --	Xie Chun Kin 謝俊健 (何壽南)	TBC 2017-12-02 / 14:40 / Crt 8	TBC 2017-12-03 / 15:20 / Crt 3 TBC	TBC 2017-12-09 / 09:40 / Crt 11 TBC	TBC 2017-12-09 / 12:00 / Crt 11 TBC	TBC
Lee Max Si Hong (拔萃男附小) 2017-12-02 / 10:40 / Crt 11 Tsang Ting Hei 曾庭熙 (田家炳千禧)	TBC 2017-12-02 / 14:40 / Crt 8					
Cheuk Chun Yin 卓俊言 (胡少渠) (2) --	Cheuk Chun Yin 卓俊言 (胡少渠) (2)					